**PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 34:**

**Thực hành tiếng Việt**:

**NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

 HS nhận diện và phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thông qua các khía cạnh cụ thể về tình huống giao tiếp, các phương tiện biểu đạt ngôn ngữ và phi ngôn ngữ . Từ đó, có ý thức và hình thành kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết phù hợp, đạt hiệu quả cao trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích được các đặc điểm cơ bản của của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực phân tích, chỉ ra sự phù hợp của việc sử dụng đúng và sử dụng hay về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập đặt ra trong quá trình học tập.

- Năng lực sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ vào việc hoàn thành một bài thuyết trình nói - nghe.

**3. Về phẩm chất:**

- Giúp HS có ý thức ham học, nghiêm túc, tích cực, ý thức sử dụng ngôn ngữ đúng, ý thức trau dồi tiếng Việt trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Tình yêu Tiếng Việt của HS.

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Lắng nghe và chia sẻ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu:**

- Sách giáo khoa

- Sách giáo viên.

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập

**2. Thiết bị:**

- Máy chiếu

- Bảng

- Giấy a2, a3

- Các thiết bị bổ trợ (nếu cần)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em, yếu tố nào là phương tiện quan trọng nhất trong việc truyền tải thông tin giữa con người với nhau?*

- GV gọi HS trả lời và giải thích lí do.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt và quan trọng bậc nhất của loài người, phương tiện tư duy và công cụ giao tiếp xã hội. Ngôn ngữ được chia làm hai loại: nói và viết. Để tìm hiểu về ngôn ngữ nói và viết kĩ càng hơn, bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau khám phá!*

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

 + Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.

 + Huy động, kích hoạt kiến thức đã học và trải nghiệm của HS có liên quan đến bài học. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem và lắng nghe 1 video bài hát, HS đưa ra những cảm nhận của cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

 \* GV giao nhiệm vụ:

 **B1.** GV cho HS nghe video bài hát *“Thương ca Tiếng Việt”* – nhạc sĩ Đức Trí.

 https://www.youtube.com/watch?v=0m-UM6KlMoM; HS lắng nghe và trả lời câu hỏi theo gợi ý:

 *- Cảm nhận của em về lời bài hát.*

 *- Cảm nhận của em về vai trò của Ngôn ngữ Tiếng Việt, đặc biệt đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay?*

 **B2.** HS huy động kiến thức để trả lời. **GV** theo dõi, kịp thời hỗ trợ.

 **B3.** HS lần lượt trả lời.

 **B4.** GV nhận xét về kiến thức, thái độ của học sinh, định hướng kiến thức, giới thiệu bài mới.

 Lắng nge lời bài hát, đọng lại trong mỗi chúng ta là những ca từ ngọt ngào, niềm tự hào về ngôn ngữ Tiếng Việt đồng thời giống như một lời hiệu triệu với bao nhiêu thế hệ:

*“Tiếng Việt còn trong mỗi người, người Việt còn thì còn nước non*

*Giữ tiếng Việt như ngàу nào, hào hùng xưa mãi vọng ngàn sau*

*Tiếng Việt còn trong mọi người, hồn Việt mình còn nguуên vẹn tròn*

*Giữ tiếng Việt cho nối đời, lời quê hương ấу lời sắc son.”*

Trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, đất nước ta đã có nhiều khởi sắc, nhiều thành tựu. Giữa bối cảnh ấy, Tiếng Việt cũng có những bước phát triển, giàu có hơn, phong phú hơn. Tiếng Việt đã góp phần tạo nên bản sắc Việt Nam trong suốt quá hình thành và phát triển dân tộc, là nhân tố, là chìa khóa tạo nên sự thống nhất, hòa hợp, đoàn kết trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam, tiếng nói Việt Nam luôn là niềm tự hào vang lên trên các diễn đàn, trên trường quốc tế. Giữ gìn và làm giàu tiếng Việt là trách nhiệm của toàn dân. Song, cuộc sống phát triển không ngừng trong bối cảnh sự thâm nhập mạnh mẽ của tiếng nước ngoài, tiếng Việt trong quá trình sử dụng đã đặt ra rất nhiều thách thức liên quan đến tính toàn vẹn, sự trong sáng và phong phú.

# HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách nhận biết đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS chủ động tìm hiểu ở nhà:*+ Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết có những đặc điểm gì?**+ Trong thực tế, chúng ta có thể gặp ngôn ngữ nói ở dạng viết và ngược lại ở đâu?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trả lời câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- HS trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Ngôn ngữ nói**- Phương tiện được sử dụng là âm thanh (phương tiện ngôn ngữ), kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt,…(phương tiện phi ngôn ngữ).- Có người nói và người nghe, người nói và người nghe có thể đổi vai cho nhau.- Ngôn ngữ: giản dị, dễ hiểu và những từ biểu cảm như trợ từ, thán từ.**2. Ngôn ngữ viết**- Phương tiện được sử dụng là chữ viết (phương tiện ngôn ngữ), kết hợp hình ảnh, kí hiệu, sơ đồ,…(phương tiện phi ngôn ngữ).- Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết (viết thư, viết báo, viết sách,…) là hình thức giao tiếp mà người viết và người đọc không thể ngay lập tức đổi vai cho nhau.- Ngôn ngữ: trau chuốt, hoàn chỉnh.- Ngôn ngữ viết ít sử dụng các câu rút gọn, câu đặc biệt, các yếu tố chêm xen dư thừa.**3. Ngôn ngữ viết và nói trong thực tế**- Ngôn ngữ nói ở dạng viết: đối thoại của các nhân vật trong truyện, bản ghi các cuộc phỏng vấn, tọa đàm, nói chuyện,…- Ngôn ngữ viết ở dạng nói: thuyết trình trước tập thể, đọc văn bản, báo cáo,… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1,2 (SGK, trang 90, 91). Chia lớp thành 4 nhóm.+ Nhóm 1,3: Bài tập 1.+ Nhóm 2,4: Bài tập 2.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.**NV3:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3,4 (SGK, trang 91,92) và tiếp tục làm việc theo nhóm:+ Nhóm 1,3: Bài tập 4.+ Nhóm 2,4: Bài tập 3.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**- Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1 (trang 90 SGK)**a). - Hình thức: ngôn ngữ nói ở dạng viết.- Đa dạng về ngữ điệu, sử dụng kết hợp cử chỉ kết hợp điệu bộ, ánh mắt, nét mặt với nhau: + Cử chỉ: khẽ lay, gọi, rên, đổi giọng.+ Điệu bộ: khẽ lay, cười nhạt.+ Ánh mắt: lim dim mắt.+ Nét mặt: cười nhạt, cười giòn giã (mặt cười đểu).b). - Hình thức: ngôn ngữ nói ở dạng viết.- Đa dạng về ngữ điệu, sử dụng kết hợp cử chỉ kết hợp điệu bộ, ánh mắt, nét mặt với nhau: + Ngữ điệu: hách dịch, khinh bỉ, giả tạo ngọt ngào (ông chủ) và sự khúm núm, chua xót của Anh Tư Bền.+ Điệu bộ: bĩu môi, cười lạt, ngọt ngào dỗ.**Bài tập 2 (trang 90, 91 SGK)**- Hình thức thể hiện: Chữ viết.- Bao gồm hệ thống dấu câu và các kí hiệu văn tự.Đoạn trích diễn đạt đầy đủ ý của câu trong đoạn, sử dụng những từ ngữ miêu tả trau chuốt, gợi hình, gợi cảm, nhằm giúp người đọc dễ dàng hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc đó.a). Mang phong cách ngôn ngữ chính luận, sử dụng nhiều từ ngữ mang màu sắc và khái niệm chính trị: thực dân, nước Việt Nam độc lập, chế độ quan chủ, chế độ dân chủ cộng hòa. Ngoài ra, còn sử dụng những từ ngữ giàu giá trị biểu cảm: đánh đổ các xiềng xích kết hợp với các câu văn ngắn và dài đan xen cùng nghệ thuật liệt kê để tạo nên không khí gấp gáp, khẩn trương mang tính quyết liệt của tình thế lịch sử lúc bấy giờ.b). Miêu tả vẻ đẹp của vầng trăng tháng Giêng, từ ngữ mang phong cách ngôn ngữ nghệ thuật bay bổng và giàu chất thơ. Đoạn văn sử dụng nhiều biện pháp tu từ, các câu văn trải dài khơi gợi những rung cảm đẹp và mãnh liệt.**Bài tập 3 (trang 91 SGK)**a) - Tình huống giao tiếp ở đây là cuộc nói chuyện giữa Bá Kiến và Chí Phèo. Bá Kiến nghĩ rằng Chí đến nhà ăn vạ và đòi tiền nên cách nói chuyện đầy khinh miệt, mỉa mai Chí. - Cách sử dụng từ ngữ mang tính ngôn ngữ đời thường, kết hợp với cử chỉ, điệu bộ.- Cách xưng hô: Chí xưng “tao” với bá Kiến; Bá Kiến xưng “tôi – anh” với Chí. Cách sử dụng từ ngữ xưng hô của 2 nhân vật này cho thấy mối quan hệ chủ - tớ, cuộc đối thoại này cũng chính là lời Chí tự nói với bản thân mình, đó là lời ăn năn, giãi bày, thú tội, khao khát của Chí. b) – Tình huống giao tiếp ở đây là cuộc đối thoại giữa thầy thơ và viên quản ngục khi nói về Huấn Cao. Quản ngục tỏ ra thán phục, ngưỡng mộ, và tiếc thương trước tài năng của Huấn Cao.- Cách sử dụng từ ngữ giản dị, dễ hiểu, kèm với từ ngữ biểu cảm. - Cách xưng hô: Thầy thơ: không xưng, gọi quản ngục là “thầy”; Viên quản ngục: xưng “tôi” – dạ bẩm (2 lần). Cách sử dụng từ ngữ xưng hô của 2 nhân vật này cho thấy đây là mối quan hệ (quan – lính), thể hiện sự cung kính.**Bài tập 4 (trang 92 SGK)****Lỗi về diễn đạt và dùng từ chưa phù hợp.**a) Lỗi: thì, coi như làSửa: Có thể nói, Chí Phèo là nhân vật mà tác giả Nam Cao muốn gửi đến cho độc giả nhiều thông điệp về bức tranh xã hội, một trong những tiêu cực thời bấy giờ.b) Lỗi: tuy, như vậy, cực kìSửa: Mặc dù, Thị Nở có một vẻ bề ngoài nhìn xấu xí nhưng ẩn sâu bên trong thị vẫn toát lên phẩm chất của một người phụ nữ rất giàu tình yêu thương.c) Lỗi: rất chất, thích cực kì luôn!Sửa: Chí Phèo là một tác phẩm xuất sắc đã khiến cho nhiều độc giả yêu thích!d) Lỗi: bên trong, cực kì.Sửa: Thị Nở tuy bề ngoài nhìn xấu xí như vậy, nhưng ẩn sâu ở bên trong con người vẫn toát lên phẩm chất của một người phụ nữ giàu tình yêu thương. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Ngôn ngữ nói không được sử dụng tiếng lóng, giản lược, đúng hay sai?

A. Sai

B. Đúng

**Câu 2:** Điểm khác biệt rõ nhất giữa ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói về đặc điểm diễn đạt là gì?

A. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với từng phong cách.

B. Diễn đạt chặt chẽ, rõ ràng, trong sáng.

C. Sử dụng câu dài với nhiều thành phần câu.

D. Từ ngữ có tính biểu cảm cao.

**Câu 3:** Trong những trường hợp sau, trường hợp nào mang đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ viết?

A. Bài báo ghi lại cuộc tọa đàm.

B. Biên bản ghi lại những lời phát biểu trong cuộc họp.

C. Lời thuyết trình theo một văn bản chuẩn bị trước.

D. Đoạn đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm văn học.

**Câu 4:** Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng nhất về đoạn văn sau:

- Sao anh không cưỡi lên ngựa mà chạy cho mau?

[...]

- Rõ khéo cho anh, bốn cẳng lại so với sáu cẳng được à?

(Truyện cười dân giân Việt Nam)

A. Là văn bản (ngôn ngữ) nói.

B. Là văn bản (ngôn ngữ) viết.

C. Là văn bản (ngôn ngữ) nói được ghi lại bằng chữ viết.

D. Là văn bản (ngôn ngữ) viết được trình bày bằng hình thức nói.

**Câu 5:** Trong nói và viết, cần tránh hiện tượng nào?

A. Ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết.

B. Ngôn ngữ viết được trình bày lại bằng lời nói.

C. Dùng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết đúng lúc, đúng chỗ.

D. Dùng những yếu tố đặc thù của ngôn ngữ viết khi nói.

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1A; 2C; 3C; 4A; 5D

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.- Phiếu học tập- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*